

Số: 2277/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Vàng Thị Dung (ông Vui Văn Mạnh) - Cư trú tại bản Căng Đăng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 307.115.745 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu, một trăm mười năm nghìn, bảy trăm bốn mươi năm đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Vàng Thị Dung (ông Vui Văn Mạnh) có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: ~~244~~ 244/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
12	Hộ gia đình bà Vàng Thi Dung (ông Vui Văn Mạnh)					
	Địa chỉ: bản Căng Đăng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				307.115.745	
a	Về đất				47.999.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.371,4			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	1.371,4	35.000	47.999.000	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	Nguồn gốc: Thửa đất số 792; 807 tờ bản đồ số 134 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 089 182 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 16/10/2012. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. + Phần diện tích đá chông lấn thửa 584, tờ bản đồ địa chính 112 loại đất DLT do UBND xã quản lý, là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ bà Dung đang sử dụng, loại đất: BHK, có nguồn gốc đất như giấy chứng nhận đã cấp.					
b	Tài sản vật kiến trúc				84.843.445	
b1	Tài sản tạo lập năm 2013 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020 ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xếp khan (2*0,5*32)	m ³	32,0	141.900	4.540.800	Hữu
2	Kè đá xây (2*0,6*61)	m ³	73,2	141.900	10.387.080	Nghị
3	Kè đá xếp khan (2*0,6*35)	m ³	42,0	392.700	16.493.400	Nghị
	Tài sản tạo lập năm 2013 phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020 ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
4	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,7*338,3m2)	m ³	575,1	29.150	16.764.457	Hữu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
5	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,7*731,4m2)	m ³	1.243,4	29.150	36.244.527	Nghị
6	Ống nhựa PVC Φ 110	m	18,0	22.955	413.181	Nghị
c	Cây trồng, vật nuôi				30.276.300	
c1	<i>Phân gia đình sử dụng đúng mục đích sử dụng đất (bồi thường bằng 100% theo Điều 14 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	16,0	24.000	384.000	Hữu
3	Cây chuối có buồng (20kg/buồng*2 cây)	kg	40,0	6.000	240.000	Hữu
4	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	41,0	24.000	984.000	Nhị
5	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	24,0	18.000	432.000	Nhị
6	Cây chuối có buồng (20kg/buồng*5 cây)	kg	100,0	6.000	600.000	Nhị
7	Cây lấy gỗ D = 10-25 cm	Cây	15,0	42.000	630.000	Nhị
c2	<i>Phân gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
8	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 338,3m2*0,3kg/m2	kg	101,5	30.000	3.044.700	Hữu
9	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1089 m2*0,3kg/m2	kg	326,7	30.000	9.801.000	Hữu
10	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 731,4m2*0,3kg/m2	kg	219,4	30.000	6.582.600	Nhị
11	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 842m2*0,3kg/m2	kg	252,6	30.000	7.578.000	Nhị
d	Chính sách hỗ trợ				143.997.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m2	1.371,4	105.000	143.997.000	

